TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 09 - 6 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Thiệu.
2. Ông Bùi Hồng Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (LVP Bank). Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số 2xx đường TQK, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Giang N - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP B Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình *(Theo Quyết định ủy quyền về việc tham gia tố tụng và thi hành án số 6650/2017/QĐ-TQĐ, ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP B và Giấy ủy quyền ngày 12/11/2020 của Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Hòa Bình)*. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Xóm C, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thu H, sinh năm 1982. Nơi ĐKHKTT: Xóm C, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở: Xóm T, xã V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 05/8/2016 ông Bùi Văn N và Ngân hàng TMCP B (LVPBank) - Chi nhánh Hòa Bình (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng tín dụng số 08/050816/04/200. Theo đó, LVPBank - Chi nhánh Hòa Bình cho ông Bùi Văn N vay khoản tín dụng 130.000.000 *(Một trăm ba mươi triệu)* đồng theo phương thức cho vay từng lần với thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Lãi suất cho vay 14% một năm (trên cơ sở tính 360 ngày/năm) trong 03 tháng đầu tiên, từ tháng thứ tư trở đi áp dụng lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh, định kỳ điều chỉnh 03 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh bằng mức lãi suất huy động tiết kiệm 13 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7%/ năm. Phương thức trả nợ: Ông Bùi Văn N có nghĩa vụ trả nợ gốc hàng tháng (từng kỳ) vào ngày 30 hàng tháng và lãi phát sinh trên dư nợ thực tế. Thực hiện hợp đồng, ông Bùi Văn N hàng tháng vẫn trả nợ gốc và lãi đúng hạn đến tháng 10 năm 2017, sang tháng 11 năm 2017 ông N vi phạm thời hạn trả nợ nên khoản vay bị chuyển thành nợ quá hạn nhưng ông N vẫn trả hàng tháng. Quá trình trả nợ còn có bà Bùi Thu H, là vợ ông Bùi Văn N cam kết đồng trách nhiệm trả nợ cùng ông N. Đến hết tháng 8 năm 2020 thì ông Bùi Văn N không thực hiện việc trả nợ. Số nợ gốc hiện ông N còn nợ Ngân hàng là 26.032.000 đồng và lãi phát sinh. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông Bùi Văn N nhưng ông N vẫn không thực hiện trả nợ. Do vậy, phía Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn N thanh toán trả cho Ngân hàng khoản tiền gốc là 26.032.000 đồng và lãi phát sinh đến thời điểm Tòa án xét xử.

Về phía bị đơn là ông Bùi Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác minh địa chỉ nơi cư trú của ông Bùi Văn N thể hiện ông Bùi Văn N có địa chỉ rõ ràng; có đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ đại diện nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, không ở một địa chỉ ổn định nên không lấy được ý kiến của ông Bùi Văn N. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thu H; bà Bùi Thu H cho biết trước đây bà có quan hệ hôn nhân với ông Bùi Văn N từ năm 2010 nhưng đã ly hôn năm 2020. Trong thời kỳ hôn nhân, bà H khẳng định ông Bùi Văn N có vay Ngân hàng số tiền 130.000.000 đồng như phía Ngân hàng trình bày nhưng khi vay bà H không biết, không tham gia vay. Quá trình vay nợ và trả nợ, ngày 26/8/2017 bà có cam kết với phía Ngân hàng đồng trách nhiệm trả nợ cùng ông N. Nay phía Ngân hàng khởi kiện thì bà chấp hành theo pháp quyết của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; buộc ông Bùi Văn N thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 26.032.000 đồng và khoản tiền lãi tính đến ngày xét xử là 3.879.000 đồng, tổng cộng là 29.911.000 *(Hai mươi chín triệu, chín trăm mười một nghìn)* đồng.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự thì phía nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng, phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: thấy rằng việc Ngân hàng TMCP B cho vay là đúng mục đích, các bên giao kết hợp đồng tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng có sự cam kết đồng trả nợ của cả bà Bùi Thu H. Việc ông Bùi Văn N không thực hiện trả nợ là vi phạm nghĩa vụ, cần buộc ông Bùi Văn N, bà Bùi Thu H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Phía nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Hòa Bình có cho ông Bùi Văn N vay khoản vay 130.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 08/050816/04/200 ngày 05/8/2016. Hình thức hợp đồng bằng văn bản và tuân thủ các quy định của hợp đồng vay tài sản. Việc các bên ký kết hợp đồng là tự nguyện, không vi phạm các quy định từ Điều 123 đến Điều 130 của Bộ luật dân sự 2015. Thực hiện hợp đồng phía Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền cho vay cho ông Bùi Văn N. Theo hợp đồng, ông Bùi Văn N có nghĩa vụ thanh toán trả cho phía ngân hàng tiền gốc và lãi phát sinh hàng tháng. Ông Bùi Văn N đã không thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng nên khoản nợ bị chuyển thành nợ quá hạn từ tháng 11 năm 2017 nhưng phía Ngân hàng vẫn để ông N tiếp tục thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, đến tháng 8 năm 2020 thì ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng. Số nợ bị chuyển thành nợ

quá hạn nhưng phù hợp quy định tại Điều 91của Luật các tổ chức tín dụng. Mặt khác, ông Bùi Văn N tuy không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nhưng việc ông Bùi Văn N trả tiền gốc và lãi hàng tháng theo bản sao kê lịch trả nợ thể hiện ông Bùi Văn N biết và vẫn thừa nhận khoản nợ với ngân hàng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận; cần buộc ông Bùi Văn N có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Hòa Bình khoản tiền gốc là 26.032.000đ và khoản lãi tính đến ngày xét xử là 3.879.000 đồng. Đối với bà Bùi Thu H đã thừa nhận có cam kết đồng trách nhiệm trả nợ với ông Bùi Văn N. Hơn nữa, khoản vay trên là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Bùi Văn N và bà Bùi Thu H, đến khi ly hôn, khoản nợ này chưa được chia nên cần buộc bà Bùi Thu H cũng phải có nghĩa vụ liên đới trong việc trả nợ. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận của số tiền gốc chưa trả theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 275, Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B; buộc ông Bùi Văn N, bà Bùi Thu H có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Hòa Bình khoản tiền gốc là 26.032.000 đồng và khoản tiền lãi là 3.879.000 đồng, tổng cộng là 29.911.000 *(Hai mươi chín triệu, chín trăm mười một nghìn)* đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 08/050816/04/200 ngày 05/8/2016.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí: Ông Bùi Văn N phải chịu 1.495.550 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP B được nhận lại 693.700 *(Sáu trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005452, ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

4. Quyền kháng cáo: Đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn